

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THÁP MƯỜI  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2021/HNGĐ-ST

Ngày 19/4/2021

*“Về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Thanh Tuấn.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đào Văn Hiến.

Ông Hồ Văn Tính.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hồ Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười.

Ngày 19 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 54/2021/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2021, về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình – Ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 116/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 146/2021/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Trịnh Thị H, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Số 12, đường N, Phường 12, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Bị đơn:* Anh Đặng Thanh S, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Ấp L, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

*(Chị H có mặt, anh S vắng mặt không lý do)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn chị Trịnh Thị H trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh S tự nguyện tìm hiểu một thời gian, sau đó thì tiến đến hôn nhân vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND Phường 12, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng về sau thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, do anh S không chăm lo làm

ăn tạo thu nhập kinh tế cho gia đình, chỉ lo tụ tập với bạn bè. Khi chị H sinh con thứ 02 được 01 tháng tuổi thì anh S bỏ nhà đi một thời gian sau quay về được vài tháng thì lại tiếp tục ăn chơi gây nợ nần. Đến khi con thứ 2 được 06 tháng tuổi thì anh S bỏ về quê sinh sống cho đến nay. Trong suốt thời gian xa nhau, anh S không có liên lạc thăm hỏi cũng như không có trách nhiệm với vợ con.

Nay, nhận thấy vợ chồng đã không còn quan tâm đến nhau, hôn nhân không hạnh phúc nên chị H yêu cầu được ly hôn với anh Đặng Thanh S.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Đặng Phi L - sinh ngày 10/3/2012 và Đặng Tâm N - sinh ngày 28/5/2018. Hiện 02 con đang sống chung với chị H. Khi ly hôn, chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

*\* Bị đơn anh Đặng Thanh S đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng đều vắng mặt tại các phiên họp, hòa giải và xét xử; Bên cạnh đó, cũng không có văn bản ý kiến nộp cho Tòa án xem xét.*

*\* Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ do nguyên đơn cung cấp gồm:*

- + Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính);
- + Giấy khai sinh 02 con chung (bản sao chứng thực);
- + Văn bản trình bày ý kiến của con chung Đặng Phi L (bản chính).

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp giữa các bên là “Tranh chấp hôn nhân và gia đình – Ly hôn và nuôi con”.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – Ly hôn và nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã Thanh Mỹ huyện Tháp Mười nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng: Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên căn cứ vào Điều 227 Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh S.

[4] Về nội dung:

[4.1] Quan hệ hôn nhân:

Chị Trịnh Thị H và anh Đặng Thanh S tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND Phường 12, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp. Chị H trình bày sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng về sau thì phát sinh mâu thuẫn, do anh S không chăm lo gia đình, vợ chồng đã sống ly thân đến nay khoảng 03 năm. Trong thời gian xa nhau, anh S không có thăm hỏi cũng như thiếu trách nhiệm với vợ con, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Chị H yêu cầu được ly hôn với anh Đặng Thanh S.

Về phía bị đơn anh Đặng Thanh S, từ khi Tòa án thụ lý vụ án và cấp, tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh S nhiều lần nhằm để tạo điều kiện cho vợ chồng hàn gắn lại tình cảm nhưng anh đều vắng mặt không có lý do và cũng không có nộp văn bản trình bày ý kiến để Tòa án xem xét. Tại phiên tòa hôm nay, anh S vẫn cố tình vắng mặt, điều này thể hiện sự thiếu trách nhiệm của anh đối với quan hệ hôn nhân, không có ý muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Do đó, xét yêu cầu ly hôn của chị Trịnh Thị H đối với anh Đặng Thanh S là có căn cứ nên chấp nhận.

[4.2] Quan hệ nuôi con chung:

Chị H trình bày trong thời gian chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Đặng Phi L - sinh ngày 10/3/2012 và Đặng Tâm N - sinh ngày 28/5/2018. Hiện 02 con đang sống chung với chị H. Khi ly hôn, chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, trong suốt thời gian qua thì 02 con sống chung với chị H đã ổn định về tâm sinh lý. Bên cạnh đó, cháu Đặng Phi L cũng có văn bản trình bày nguyện vọng muốn được sống chung với mẹ. Do đó, để đảm bảo môi trường thuận lợi cho sự phát triển tốt nhất của 02 con chung, đảm bảo tâm lý của 02 cháu được ổn định khi cha mẹ ly hôn, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình nghĩ nên chấp nhận để 02 cháu được tiếp tục sống chung với chị H.

Chị H và anh S có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục

con chung, không bên nào được quyền ngăn cấm. Anh S được quyền thăm con chung không ai được quyền cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định:

*“Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.*

*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của người đó”.*

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị H không có yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét .

[4.3] Quan hệ chia tài sản: Chị Trịnh Thị H xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 và điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trịnh Thị H.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị H được ly hôn với anh Đặng Thanh S.

Về quan hệ nuôi con chung: Chị Trịnh Thị H được trực tiếp nuôi 02 con chung tên Đặng Phi L - sinh ngày 10/3/2012 và Đặng Tâm N - sinh ngày 28/5/2018. Hiện 02 con đang sống chung với chị H.

Chị H và anh S có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không bên nào được quyền ngăn cấm. Anh S được quyền thăm con chung không ai được quyền cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị H không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về quan hệ chia tài sản: Chị Trịnh Thị H xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Trịnh Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0011409 ngày 18/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười.

Chị Trịnh Thị H có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; anh Đặng Thanh S có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Tòa án tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND Phường 12, quận T, Thành phố HCM;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ (ML).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thanh Tuấn**